

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2021/KDTM-ST**
Ngày: 15-09-2021
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhưường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Thanh.

2. Ông Vũ Ngọc Côn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/8/2021; 15/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 197/TB-TA ngày 20 tháng 5 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 200/TB-TA ngày 18 tháng 6 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 201/TB-TA ngày 12 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2021/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông N

Người đại diện theo ủy quyền: Do ông Nguyễn Trường G - Giám đốc chi nhánh huyện LN đại diện theo ủy quyền. Tại Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Ông Phạm Văn D - Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Chi nhánh huyện Lục N. Đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 409/NHNo-BGII-LNg ngày 28/07/2021 của ông Nguyễn Trường G, Giám đốc Chi nhánh huyện N. Có mặt

- Bị đơn: **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1962. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh **Đỗ Văn V**, sinh năm 1982. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020, tại bản tự khai, và các lời khai tiếp theo nguyên đơn Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L (viết tắt là Agribank hoặc Ngân hàng) do người đại diện trình bày:

Ngày 20/09/2011 bà Nguyễn Thị C có gửi phương án vay vốn đến Agribank Chi nhánh huyện LN với mục đích vay vốn: Kinh doanh phân bón các loại. Sau khi xem xét thẩm định, Agribank Chi nhánh huyện L - Phòng giao dịch K đã phê duyệt số tiền cho bà C vay là: 250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) tại hợp đồng tín dụng số: 265/HĐTD ngày 21/09/2011. Để bảo đảm cho khoản vay bà Nguyễn Thị C đã thế chấp tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Hợp đồng thế chấp tài sản số Q706846 ngày 20/09/2011 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q706846 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 22/05/2000, diện tích: Đất ở 350 m² đất vườn 1086 m² mang tên hộ bà Nguyễn Thị C. Giá trị tài sản: 351.100.000 đồng, bảo đảm nghĩa vụ cho số tiền: 250.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm được đăng ký thế chấp ngày 21/09/2011 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện LN. Ngày 21/09/2011 Agribank đã giải ngân số tiền: 250.000.000 đồng, mục đích: Kinh doanh phân bón các loại, với kỳ hạn trả nợ: Đến ngày 19/03/2012 bà C phải trả nợ gốc: 250.000.000 đồng và lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Tuy nhiên đến hạn trả gốc ngày 19/03/2012 bà Nguyễn Thị C không trả được nợ cho ngân hàng. Ngày 20/03/2012 Agribank huyện Lục Ngạn đã chuyển sang nợ quá hạn, số tiền gốc: 250.000.000 đồng và toàn bộ số lãi phát sinh kèm theo.

Agribank Chi nhánh huyện LN đã nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu bà Nguyễn Thị C thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng số 265/HĐTD ngày 21/09/2011. Tuy nhiên, tính đến nay, bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Agribank, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Agribank, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không phối hợp xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Agribank gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn cho Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Agribank. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị C đã trả được 10.951.389 đồng. Tính đến ngày 23/4/2021, tổng dự nợ của bà Nguyễn Thị C tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Agribank Chi nhánh huyện L là: 777.011.438 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 243.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 363.902.603 đồng; Nợ

lãi quá hạn: 170.108.835 đồng. Nay Agribank Chi nhánh huyện LN, yêu cầu Tòa án:

1. Tuyên buộc bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 15/11/2020 là: 15/11/2020 là: 742.242.721 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi mốt đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 243.000.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 337.072.995 đồng. Nợ lãi quá hạn: 162.169.726 đồng.

2. Tuyên buộc bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 265/HĐTD ngày 21/09/2011 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả hết nợ gốc cho Agribank.

3. Tuyên nếu bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Agribank thông qua Agribank Chi nhánh huyện L có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản của bà Nguyễn Thị C để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên nếu số tiền thu hồi được xử lý tài sản không đủ trả nợ cho Agribank thì Agribank thông qua Agribank Chi nhánh huyện L có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết Ngân hàng N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không đề nghị Tòa án giải quyết Hợp đồng thế chấp tài sản số Q706846 ngày 20/09/2011 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị C.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25/02/2021 và những lời khai tiếp theo bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 20/9/2011 bà có vay vốn của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) theo hợp đồng số 265/HĐTD ngày 21/9/2011 với mục đích vay vốn để kinh doanh phân bón các loại. Ngày 21/9/2011 Ngân hàng đã giải ngân cho bà số tiền vay là 250.000.000 đồng, hạn trả nợ là ngày 19/03/2012 bà phải trả toàn bộ số gốc đã vay là 250.000.000 đồng. Khi vay bà có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp tài sản số Q706846 ngày 20/09/2011 gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q706846 do UBND huyện Lục Ngạn cấp ngày 22/05/2000, diện tích: Đất ở 350 m² đất vườn 1086 m² mang tên hộ bà Nguyễn Thị C. Giá trị tài sản: 351.100.000 đồng, bảo đảm nghĩa vụ cho số tiền là: 250.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm được đăng ký thế chấp ngày 21/09/2011 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện LN.

Quá trình thực hiện hợp đồng gia đình bà đã trả một phần nợ gốc cho Ngân hàng, do thời gian đã lâu và không giữ giấy tờ nên bà không nhớ là đã trả được bao nhiêu tiền gốc. Do tình hình làm ăn khó khăn mất mùa C trên địa bàn huyện Lục Ngạn nên việc kinh doanh phân bón của gia đình bà không thu hồi được nợ nên bà không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng. Bà xác định bà là người trực tiếp ký vào hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp bảo đảm để vay vốn của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà trả tổng số nợ đến hết ngày 15/11/2020 là: 742.242.721 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi một đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 243.000.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 337.072.995 đồng. Nợ lãi quá hạn: 162.169.726 đồng bà không nhất trí theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì thực tế tính đến ngày 30/11/2017 gia đình bà chỉ còn nợ số tiền gốc của Ngân hàng là 69.450.000 đồng. Từ ngày 30/11/2017 do Ngân hàng tự điều chỉnh số dư nợ đối với khoản vay của gia đình bà lên thành 173.550.000 đồng mà bà không rõ lý do nên đến nay bà không đồng ý trả thêm cho Ngân hàng khoản nào khác. Bà chỉ đồng ý trả Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại là 69.450.000 đồng, bà không đồng ý trả các khoản tiền lãi và xử lý bất cứ tài sản nào khác của gia đình bà để Ngân hàng thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn V vắng không có lý do. Anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh V không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh V được. Bà Nguyễn Thị C là bị đơn trong vụ án và là mẹ ruột của anh V xác nhận anh V là con trai của bà và sinh sống cùng địa chỉ hộ khẩu với bà. Việc vay vốn tại Ngân hàng không liên quan đến anh V, anh V chỉ cùng bà ký vào hợp đồng thế chấp tài sản. Bà sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng không liên quan đến anh V. Các giấy tờ văn bản Tòa án giao cho anh V bà nhận thay và bà đã giao và thông báo cho anh V biết, anh V từ chối về làm việc với Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L ông Phạm Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/8/2021 tổng dư nợ của bà Nguyễn Thị C, tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) tại Agribank Chi nhánh huyện L là: 782.807.077 (*Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi hai triệu, tám trăm linh bảy nghìn, không trăm bảy mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 243.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 364.115.899 đồng; Nợ lãi quá hạn: 175.691.178 đồng. Bà Nguyễn Thị C phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 265/HĐTD ngày 21/09/2011 kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án cho đến ngày thực tế bà Nguyễn Thị C trả hết nợ gốc cho Agribank.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án không xem xét xử lý giải quyết Hợp đồng thế chấp tài sản số Q706846 ngày 20/09/2011 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị C. Bà Nguyễn Thị C nhất trí với đề nghị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và không có ý kiến gì. Bà Nguyễn Thị C xác định việc vay vốn của Ngân hàng để bà kinh doanh phân bón, không liên quan gì đến anh Đỗ Văn V, anh V chỉ cùng bà ký hợp đồng thế chấp tài sản để bà vay vốn, do vậy việc bà vay vốn bà sẽ một mình nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng đối với số tiền còn nợ không yêu anh V phải trả cùng bà, đại diện phía Ngân hàng cũng nhất trí để một mình bà Nguyễn Thị C trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị C không nhất trí theo yêu cầu của Ngân hàng. Bà chỉ đồng ý trả Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại là 69.450.000 đồng, bà không đồng ý trả các khoản tiền lãi và xử lý bất cứ tài sản nào khác của gia đình bà để Ngân hàng thu hồi nợ vì bà cho rằng từ ngày 30/11/2017 bà trả thêm 2.000.000 đồng nữa thì Ngân hàng tự điều chỉnh số dư nợ đối với khoản vay của gia đình bà lên thành 173.550.000 đồng mà bà không rõ lý do nên đến nay bà không đồng ý trả thêm cho Ngân hàng khoản nào khác. Bà chỉ đồng ý trả Ngân hàng số tiền nợ gốc còn lại là 69.450.000 đồng, bà cũng không đồng ý trả các khoản tiền lãi và xử lý bất cứ tài sản nào khác của bà để Ngân hàng thu hồi nợ. Vì trong quá trình vay nợ khi gặp khó khăn C của các hộ vay vốn kinh doanh bà có gặp Giám đốc Ngân hàng xin được miễn tiền lãi và được giám đốc Ngân hàng đồng ý. Do vậy bà chỉ trả tiền gốc còn lại chứ không trả tiền lãi. Bà C cũng xác định việc đồng ý miễn lãi của Ngân hàng thì không có văn bản giấy tờ gì mà chỉ là trao đổi miệng giữa bà và giám đốc Ngân hàng Chi nhánh huyện Lục Ngạn nên bà không có chứng cứ gì nộp cho Tòa án. Theo như đại diện phía Ngân hàng trình bày thì khoản nợ của bà được trích lập dự phòng theo dõi tại Ngoại bảng số tiền gốc là 74.450.000 đồng và theo dõi tại nội bảng số nợ gốc 175.550.000 đồng. Đối với quy định này kể từ khi vay vốn từ năm 2011 đến khi Ngân hàng khởi kiện bà không hề biết thế nào là ngoại bảng, nội bảng. Phía Ngân hàng cũng không hề Thông báo và giải thích cho bà biết. Đến khi bà nộp tiền để trả khoản nợ trên cho Ngân hàng từ tháng 8 đến tháng 11 năm 2017 thì thấy bà nộp tiền Ngân hàng thu tiền chứ cán bộ thu cũng không giải thích gì với bà là khoản này thu để trừ vào nội bảng hay ngoại bảng. Do vậy đến nay bà chỉ chấp nhận trả số tiền gốc còn nợ là 69.450.000 đồng theo như chứng từ giao dịch của Ngân hàng ngày 29/9/2017.

Đối với khoản nợ gốc đại diện phía Ngân hàng xác định số nợ 250.000.000 đồng tiền gốc, sau khi đến hạn theo hợp đồng tín dụng bà Nguyễn Thị C không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận thì theo quy định, qua quá trình trích lập dự phòng, ngày 31/5/2013 Ngân hàng đã chuyển sang theo dõi tại ngoại bảng khoản nợ trích lập số tiền gốc 74.450.000 đồng và theo dõi ở nội bảng số tiền gốc là 175.550.000 đồng. Theo quy định khi chuyển sang theo dõi như trên thì Ngân hàng không phải thông báo với khách hàng vay. Khi khách hàng vay trả số tiền gốc thì vẫn được Ngân hàng trừ vào số tiền gốc khách hàng còn nợ (Ngoại bảng hoặc nội bảng). Đại diện phía Ngân hàng cũng khẳng định bà Nguyễn Thị C có trả

nợ Ngân hàng làm 4 lần vào các ngày 31/7/2017 trả 1.000.000 đồng; ngày 29/8/2017 trả 2.000.000 đồng; Ngày 29/9/2017 trả 2.000.000 đồng và được trừ vào số tiền theo dõi ngoại bảng 74.450.000 đồng; Đến ngày 30/11/2017 bà C trả tiếp 2.000.000 đồng và được trừ vào số tiền 175.450.000 đồng theo dõi tại nội bảng. Ngoài bốn lần nêu trên bà C không còn lần trả nợ nào khác cho Ngân hàng. Phía Ngân hàng cũng không có bất cứ một Quyết định hay văn bản nào đồng ý về việc miễn giảm lãi đối với khoản vay của bà C nêu trên. Nếu bà C có tài liệu, chứng cứ có giá trị pháp lý chứng minh được việc ngoài 4 lần trả nợ nêu trên thì bà còn có các lần trả nợ khác và có văn bản của Ngân hàng về việc đồng ý miễn giảm lãi cho bà C thì phía Ngân hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 187, Điều 227, Điều 244, Điều 271, 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 471; Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Nguyễn Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L theo hợp đồng tín dụng 265/HĐTD ký ngày 21/9/2011 số tiền nợ tính đến ngày 15/9/2021 là 786.851.259 đồng. Trong đó có 243.000.000 đồng là tiền gốc và 543.851.529 đồng tiền lãi

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của

Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị C không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L thì Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị C theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

3. Đình chỉ yêu cầu giải về Hợp đồng thế chấp tài sản số Q706846 ngày 20/09/2011 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị C của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối số nợ phải trả Ngân hàng. Hoàn trả Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L số tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bên khởi kiện là Ngân hàng Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L là doanh nghiệp có giấy đăng ký doanh nghiệp số 0100686174 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26/02/2004 (đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 27/12/2019); Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động chi nhánh, mã số chi nhánh số 0100686174 - 658 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 27/11/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 3) khởi kiện bà Nguyễn Thị C là hộ kinh doanh cá thể có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 20D8001498 đăng ký lần đầu ngày 3/8/2004 do Ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn cấp. Hợp đồng tín dụng số 265/HĐTD ngày 21/09/2011 giữa các bên được thực hiện trên địa bàn huyện Lục Ngạn, bà Nguyễn Thị C vay vốn theo hợp đồng để kinh doanh phân bón với mục đích lợi nhuận, hiện bà C có địa chỉ tại thôn Tư 1, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Nay xảy ra tranh chấp về việc thanh toán hợp đồng số 265/HĐTD ngày 21/09/2011 đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bị đơn anh Đỗ Văn V được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh V vẫn có

hộ khẩu và đang cư trú tại thôn Tư 1, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay anh V đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương. Tuy nhiên anh V không cung cấp địa chỉ, nơi ở, nơi làm việc hiện nay. Tại Công văn số 14534/QLXNC-P5 ngày 24/6/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin anh Đỗ Văn V có thông tin xuất nhập cảnh tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh ngày 07/11/2029 đã nhập cảnh về nước.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là trường hợp cố tình giấu giếm địa chỉ. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục C và xét xử vắng mặt anh Đỗ Văn V.

[1.3] Về pháp luật áp dụng:

Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L và bà Nguyễn Thị C ký kết Hợp đồng tín dụng số 265/HĐTD ngày 21/9/2011. Như vậy hợp đồng tín dụng này được hai bên giao kết thực hiện hợp đồng trước ngày 01/01/2017, căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về việc ký kết hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số: 265/HĐTD ngày 21/9/2011 được lập thành văn bản, ký kết giữa nguyên đơn, bị đơn hoàn toàn tự nguyện, hình thức nội dung đều tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên hợp đồng này phù hợp quy định tại các Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực thi hành đối các bên tham gia.

Trên cơ sở thỏa thuận vay vốn giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L và bà Nguyễn Thị C đã ký kết hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 265/HĐTD ký ngày 21/9/2011, số tiền vay là 250.000.000 đồng, ngày 21/9/2011 Agribank đã giải ngân số tiền: 250.000.000 đồng, với định kỳ hạn trả nợ: Ngày 19/03/2012 bà Nguyễn Thị C phải trả gốc: 250.000.000 đồng và tiền lãi. Ngày 19/03/2012 đến hạn trả gốc số tiền 250.000.000 đồng nhưng bà Nguyễn Thị C không trả được nợ cho ngân hàng. Ngày 20/03/2011 Agribank huyện Lục Ngạn đã chuyển sang nợ quá hạn số tiền nợ gốc: 250.000.000 đồng và toàn bộ số lãi phát sinh kèm theo. Dư nợ gốc còn lại và lãi đến ngày xét xử ngày 15/9/2021 là 786.851.529. Trong đó dư nợ gốc là 243.000.000 đồng. Lãi là 543.851.529 đồng.

Xét hợp đồng tín dụng số 265/HĐTD ký ngày 21/9/2011 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L và bà Nguyễn Thị C là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Tính đến thời điểm xét xử ngày 15/9/2021 hợp đồng này đã quá hạn trả tiền gốc và trả lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 19/03/2012 bà Nguyễn Thị C đã vi phạm nghĩa thanh toán theo Điều 3, Điều 6 của hợp đồng số 265/HĐTD

ký ngày 21/9/2011 quy định về nghĩa vụ và phương thức thanh toán mà hai bên đã thỏa thuận nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ này sang nợ quá hạn. Phía bà Nguyễn Thị C cũng xác nhận đã nhận đủ số tiền vay 250.000.000 đồng theo hợp đồng đã ký. Tuy nhiên vì làm ăn khó khăn bà đã được phía Ngân hàng đồng ý miễn toàn bộ phần lãi và bà chỉ phải trả tiền gốc. Do vậy từ năm 2012 đến năm 2017 bà đã trả cho Ngân hàng được rất nhiều lần tiền gốc và đến tháng 9 năm 2017 bà chỉ còn lại số tiền gốc là 69.450.000 đồng nên bà không đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù bà Nguyễn Thị C cho rằng bà đã trả được phần lớn số tiền gốc cho Ngân hàng từ năm 2012 đến năm 2017 và được Ngân hàng đồng ý miễn cho toàn bộ tiền lãi nhưng bà C không cung cấp được các hóa đơn chứng từ hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý chứng minh bà đã trả nợ cho Ngân hàng và không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện Ngân hàng đồng ý miễn lãi cho bà. Bà C chỉ cung cấp được hóa đơn của 4 lần trả nợ Ngân hàng vào các ngày 31/7/2017 trả 1.000.000 đồng; ngày 29/8/2017 trả 2.000.000 đồng; ngày 29/9/2017 trả 2.000.000 đồng và đến ngày 30/11/2017 bà C trả tiếp 2.000.000 đồng. Ngoài ra không còn chứng cứ nào khác có giá trị pháp lý chứng minh còn các lần khác bà đã trả cho Ngân hàng. Phía Ngân hàng cũng khẳng định rằng ngoài bốn lần trả nợ nêu trên thì không còn lần nào khác bà C trả cho Ngân hàng. Về khoản nợ của bà Nguyễn Thị C sau khi chuyển sang nợ quá hạn thì số tiền gốc còn nợ được Ngân hàng chuyển sang xử lý rủi ro tín dụng, theo Quyết định số 1511/NHNo-KH ngày 30/5/2013 của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L trong khoản nợ gốc 250.000.000 đồng của bà C còn nợ thì số tiền được trích để xử lý rủi ro là 74.450.000 đồng. Theo quy định thì đối với các khoản đã xử lý rủi ro thì Ngân hàng không thông báo cho khách hàng biết, cũng theo quyết định số 450/QĐ-HĐTV-XLRR ngày 30/5/2014 của Ngân hàng N quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của Agribank thì theo điều 22 tại quyết định này quy định “Nghiêm cấm, các cán bộ, viên chức của Agribank cung cấp thông tin, thông báo việc XLRR đối với khoản nợ xấu cho khách hàng”. Do vậy việc khoản nợ 250.000.000 đồng tiền gốc còn nợ của bà C khi được chuyển sang nợ quá hạn được Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro để theo dõi là đúng quy định của Ngân hàng và Ngân hàng không phải có nghĩa vụ thông báo cho khách hàng biết. Do vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L là chính đáng, đúng pháp luật, cần được chấp nhận. Hội đồng xét xử xét cần buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L số tiền nợ gốc là 243.000.000 đồng và nợ lãi là 543.851.529 đồng tính đến ngày xét xử 15/9/2021 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2021 theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự.

- Về lãi suất: Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 265/HĐTD ký ngày 21/9/2011 về lãi xuất cho vay áp tại thời điểm ký kết hợp đồng là 19%/năm và được điều chỉnh 3 tháng một lần vào ngày 15 tháng đầu quý, phương pháp trả lãi theo định kỳ trả gốc, bên vay phải trả lãi cho số tiền gốc quá hạn với lãi xuất nợ

quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn theo từng thời kỳ của hợp đồng tín dụng.

Theo thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất cho vay. Việc tính lãi suất của Ngân hàng được tính theo đúng quy định của hợp đồng, phù hợp với từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất và quy định về áp dụng lãi suất của Ngân hàng quy định tại thời điểm điều chỉnh. Theo các tài liệu quyết định về việc ban hành điều chỉnh mức lãi suất cho vay áp dụng tại từng thời kỳ và đối chiếu với bản tính lãi thống kê chi tiết của Ngân hàng cung cấp số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/9/2021 là 243.000.000 đồng tiền gốc và 543.851.529 đồng tiền lãi. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho Ngân hàng, lỗi vi phạm hợp đồng vay thuộc về bị đơn kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự 2005, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng bà Nguyễn Thị C phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng và tiếp tục phải chi lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc của khoản vay.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 265/HĐTD ký ngày 21/9/2011 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 15/9/2021) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất cho vay và cách tính lãi theo thỏa thuận giữa nguyên đơn với bị đơn trong hợp đồng tín dụng là tự nguyện, phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017, nên được thực hiện theo thỏa thuận.

[2.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L có yêu cầu Tòa án giải quyết Hợp đồng thế chấp tài sản số Q706846 ngày 20/09/2011 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị C. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không đề nghị Tòa án giải quyết Hợp đồng thế chấp tài sản số Q706846 ngày 20/09/2011 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị C. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không đề nghị Tòa án giải quyết về hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị C là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, bà Nguyễn Thị C cũng không có ý kiến gì. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Nguyễn Thị C chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Hoàn trả Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 187, Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 471; Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L theo hợp đồng tín dụng 265/HĐTD ký ngày 21/9/2011 số tiền nợ tính đến ngày 15/9/2021 là 786.851.259 đồng. Trong đó có 243.000.000 đồng là tiền gốc và 543.851.259 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị C không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L thì Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị C theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

3. Đình chỉ yêu cầu giải quyết Hợp đồng thế chấp tài sản số Q706846 ngày 20/09/2011 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị C của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 35. 474.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L số tiền 16.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: AA/2019/0001801 ngày 15/01/2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường